

Bản án số: 681/2019/DS-ST.

Ngày: 10/7/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Kiệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng;
2. Ông Nguyễn Kiên Hiền.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký  
Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tham  
gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1488/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2019/QĐST-DS ngày 04/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/QĐST-DS ngày 28/6/2019; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH A

Trụ sở: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Phan Thị Mỹ H là người đại diện theo uỷ quyền – Văn bản uỷ quyền số 828/UQTA-VH.18 ngày 20/11/2018.

*(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 219 Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 20/11/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A có bà Phan Thị Mỹ H là người đại diện uỷ quyền trình bày:*

Ngày 18/6/2015, bà Lê Thị Hồng N có ký Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 với Công ty Tài chính TNHH A. Với nội dung như sau: số tiền vay: 19.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3.75%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng. Theo thoả thuận tại hợp đồng, bà Lê Thị Hồng N có trách

nhiệm thanh toán số tiền 35.511.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Mỗi tháng trả số tiền 971.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.526.000 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu vào ngày 01/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Hồng N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 12 lần với tổng số tiền 11.652.000 đồng. Kể từ ngày 15/8/2016, bà Lê Thị Hồng N không thanh toán cho Công ty bất kỳ khoản nào dù đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Hồng N thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ là 23.859.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 15.420.323 đồng, lãi: 8.438.677 đồng.

Yêu cầu bị đơn thanh toán 01 lần ngay khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Lê Thị Hồng N* đã được toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai tại Toà án.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt; những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Viện kiểm sát nhân dân Quận C đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Thị Hồng N có nơi cư trú tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn bà Lê Thị Hồng N đã được Toà án triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyên tiếp như sau:” c) *Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết;*”

Do Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N được ký kết vào ngày 18/6/2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

## **[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

**- Xét Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A yêu cầu bà Lê Thị Hồng N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 15.420.323 đồng:**

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0102180545 và Điều lệ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A, có cơ sở xác định Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 ngày 18/6/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N là đúng thẩm quyền, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với qui định của pháp luật do đó hợp đồng này có giá trị pháp lý nên được công nhận.

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 ngày 18/6/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N; Căn cứ Phân phê duyệt của VPB FC xác định bà N có vay của Ngân hàng số tiền 19.000.000 đồng với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 12 lần với tổng số tiền đã trả là 11.652.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.579.677 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ...*”.

Xét bà Lê Thị Hồng N vay tiền và thanh toán theo hình thức trả chậm từng kỳ trong thời hạn 36 tháng là sự tự nguyện của hai bên, tuy nhiên bà N chỉ thanh toán được 12 lần với tổng số tiền đã trả là 11.652.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.579.677 đồng. Đến nay bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 15.420.323 đồng. Việc bị đơn bà Lê Thị Hồng N không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả lại số tiền còn nợ trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

**- Xét nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Hồng N thanh toán số tiền lãi là 8.438.677 đồng.**

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau:

*“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

*2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”;*

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 ngày 18/6/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N xác định hai bên thỏa thuận thống nhất lãi suất cho vay là 3.75%/tháng và trả dần trong thời hạn 36 tháng. Tuy nhiên, sau đó bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét việc ký kết Hợp đồng về việc cho vay, vay tiền là sự tự nguyện thỏa thuận và là quyền của các bên do đó Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi thỏa thuận trong Hợp đồng theo thời hạn vay với số tiền 8.438.677 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ nên Tòa án không xem xét.

### **[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 207, 208; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

**1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A:**

1.1 Buộc bị đơn bà Lê Thị Hồng N phải thanh toán số tiền còn nợ 23.859.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng) cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 ngày 18/6/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N.

Việc trả tiền thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

1.2 Chấm dứt hiệu lực Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20150623-500000-0010 ngày 18/6/2015 được ký kết giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A và bà Lê Thị Hồng N.

## **2. Về án phí:**

Bà Lê Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.192.950 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 596.475 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021501 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

## **3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn A, bị đơn bà Lê Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**



**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Kiệt**

